

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH PHÚ  
TỈNH BẾN TRE**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 74 /2024/DS-ST  
Ngày 17-5- 2024.  
V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán”.

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH PHÚ–TỈNH BẾN TRE**

***T phân Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Trần Thị Vân.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Thanh Hải
2. Ông Trịnh Xuân Tùng

***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Như Sương–Thư ký Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú, tỉnh Bến Tre.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 622/2023/TLST–DS ngày 26 tháng 12 năm 2023 về tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2024/QĐST–DS ngày 08 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Anh Huỳnh Đắc L, sinh năm 1979. Địa chỉ: ấp QĐA, xã QĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo ủy quyền của anh Huỳnh Đắc L: Chị Đặng Huỳnh N, sinh năm 1996. Địa chỉ: ấp ANA, xã AT, huyện P, tỉnh Bến Tre. Chị Đặng Huỳnh N có đơn xin xét xử vắng mặt.

**2. Bị đơn:** Anh Trịnh Văn T, sinh năm 1976 và chị Đặng Kim N, sinh năm 1977. Cùng địa chỉ: ấp TH, xã MA, huyện P, tỉnh Bến Tre. Nơi cư trú: Tổ 6, ấp QT, xã QĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre. Anh T, chị Đặng Kim N vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện và trong quá trình tố tụng tại Tòa án người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Năm 2018 anh L có nhiều lần bán thức ăn, thuốc thủy sản cho anh T và chị N để nuôi tôm công nghiệp và bán vật liệu xây dựng anh T và chị N để xây dựng nhà ở và chuồng bò. Quá trình mua bán anh L có lập sổ theo dõi, anh T và chị N có ký nhận khi anh L giao hàng hóa. Lúc đầu, anh L với anh T và chị N có thỏa

thuận, khi nào thu hoạch tôm xong thì anh T và chị N phải có nghĩa vụ thanh toán toàn bộ cho anh L. Tuy nhiên, có những vụ anh T và chị N thua lỗ không thanh toán đủ cho anh L nhưng anh L vẫn tiếp tục bán cho anh T và chị N. Tính đến ngày 13/9/2018 thì anh T và chị N còn nợ anh L số tiền là 100.000.000 đồng, anh T và chị N có cam kết trả dần cho anh L nhưng anh T và chị N không thực hiện. Sau nhiều lần nhắc nhở thì vào ngày 03/6/2023 anh T và chị N có trả cho anh L 5.000.000 đồng, số còn lại 95.000.000 đồng đến nay chưa trả.

Anh L yêu cầu anh Trịnh Văn T và chị Đặng Kim N có trách nhiệm liên đới trả cho anh L số tiền 95.000.000 đồng và lãi suất từ ngày 26/12/2023 đến ngày 17/5/2024 là 04 tháng 21 ngày với lãi suất 0,83%/tháng T tiền là 3.706.149 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 98.706.149 đồng.

Anh L tự nguyện rút một phần yêu cầu về việc yêu cầu anh Trịnh Văn T và chị Đặng Kim N phải có nghĩa vụ liên đới giao trả cho anh L số tiền 94.460.517 đồng.

***Tại bản tự khai ngày 20/3/2024 bị đơn anh Huỳnh Đắc Lành trình bày:***

Anh và chị Đặng Kim N là vợ chồng, có đăng ký kết hôn theo quy định. Hiện anh, chị vẫn còn sống chung.

Năm 2018 anh và chị N có nhiều lần mua thức ăn tôm, thuốc thủy sản để nuôi tôm công nghiệp và mua vật liệu xây dựng để làm chuồng bò, cất nhà ở của anh L. Việc mua bán các bên chỉ thỏa thuận bằng lời nói, khi anh L giao hàng thì anh và chị N có ký tên vào sổ của anh L, việc mua bán diễn ra nhiều năm, anh và chị N có lúc trả tiền mặt, có lúc cũng nợ lại. Tính đến ngày 13/9/2018 anh và chị N có nợ anh L 100.000.000 đồng, ngày 03/6/2023 anh và chị N có trả cho anh L 5.000.000 đồng, còn lại 95.000.000 đồng đến nay chưa trả. Lúc đó, anh và chị N có nói với anh L, khi nào anh và chị N làm ăn được thì mới trả được, khi đó anh L có nói anh và chị N ráng làm ăn rồi trả nợ cho anh L.

Anh và chị N thừa nhận hiện nay còn nợ anh L số tiền là 95.000.000 đồng, đồng ý trả số tiền này cho anh L. Anh và chị N cam kết trả 95.000.000 đồng cho anh L nhưng hiện nay gia đình anh và chị N đang gặp khó khăn nên anh và chị N cam kết trả 10.000.000 đồng/năm, trả cho đến khi hết nợ, nếu anh và chị N nuôi bò có thu nhập nhiều hơn thì sẽ trả nhiều hơn.

Đối với số tiền lãi thì anh và chị N không đồng ý, lý do: anh và chị N nuôi tôm thua lỗ không có khả năng trả.

Bị đơn chị Đặng Kim N đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ nhiều lần các thông báo, quyết định nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, không cung cấp chứng cứ chứng minh để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

**NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp L: Đây là vụ án “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ L Tổ tụng dân sự năm 2015 thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[2] Về thẩm quyền: Bị đơn anh Trịnh Văn T và chị Đặng Kim N hiện sinh sống ấp QT, xã QĐ, huyện P, tỉnh Bến Tre. Do đó vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú theo quy định tại khoản 1 Điều 33, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ L Tổ tụng dân sự năm 2015.

[3] Về tố tụng: Bị đơn anh Trịnh Văn T và chị Đặng Kim N đã được Tòa án án tổng đạt các văn bản tố tụng đúng trình tự, thủ tục theo quy định tại Điều 177 Bộ L tố tụng dân sự nhưng anh T và chị N đều vắng mặt không có lý do. Căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ L tố tụng dân sự nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh T và chị N.

[4] Xét yêu cầu về việc rút một phần yêu cầu khởi kiện của anh L về việc yêu cầu anh T và chị N phải có nghĩa vụ liên đới giao trả cho anh L số tiền 94.460.517 đồng. Xét thấy: việc rút yêu cầu khởi kiện này của anh L là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định tại các Điều 217, 218 và Điều 219 của Bộ L tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về nội dung vụ án: Anh L yêu cầu anh Trịnh Văn T và chị Đặng Kim N có trách nhiệm liên đới trả cho anh L nợ gốc 95.000.000 đồng; nợ lãi: 3.706.149 đồng. Tổng cộng vốn và lãi là 98.706.149 đồng. Anh T thừa nhận, hiện nay anh và chị N còn nợ anh L số tiền 95.000.000 đồng nhưng hiện nay gia đình anh và chị N đang gặp khó khăn nên anh và chị N cam kết trả dần cho anh L 10.000.000 đồng/năm, trả cho đến khi hết nợ, nếu anh và chị N nuôi bò có thu nhập nhiều hơn thì sẽ trả nhiều hơn. Còn tiền lãi thì anh và chị N không đồng ý trả theo yêu cầu của anh L.

[6] Xét yêu cầu khởi kiện của anh L, xét thấy: Hợp đồng mua bán giữa các bên được xác lập trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc nên được xem là hợp đồng hợp pháp. Do đó làm phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên nên các bên phải có trách nhiệm thực hiện các thỏa thuận đã cam kết. Quá trình thực hiện hợp đồng các bị đơn đã vi phạm hợp đồng mà hai bên đã thỏa thuận làm phát sinh tranh chấp. Lẽ đó yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Huỳnh Đắc L là có căn cứ nên cần buộc bị đơn anh Huỳnh Đắc Lành và chị Đặng Thị N phải có trách nhiệm liên đới trả cho anh L số tiền là 98.706.149 đồng.

[7] Xét yêu cầu trả nợ dần của anh T, xét thấy: Do anh T và chị N đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ cho anh L trong một thời gian dài làm ảnh hưởng đến quyền lợi của

anh L. Đồng thời, tại phiên toà người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không chấp nhận yêu cầu trả nợ dần của anh L nên không có căn cứ chấp nhận.

[8] Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Huỳnh Đắc L được chấp nhận nên bị đơn anh Trịnh Văn T Anh Huỳnh Đắc L yêu cầu anh Trịnh Văn T và chị Đặng Kim N phải có nghĩa vụ trả cho anh L số tiền 98.706.149 đồng và chị Đặng Kim N phải nộp án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[9] Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên;*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào Điều 26, điểm b, khoản 1 Điều 35, 39, 147, 266 của Bộ L tố tụng dân sự; Điều 430, 440, 357 Bộ luật dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí của Tòa án.

Tuyên xử:

1. Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của anh Huỳnh Đắc L về việc yêu cầu anh Trịnh Văn T và chị Đặng Kim N phải có nghĩa vụ liên đới trả cho anh L số tiền là 94.460.517 đồng.

2. Chấp nhận yêu cầu của anh Huỳnh Đắc L. Buộc anh Trịnh Văn T và chị Đặng Kim N có nghĩa vụ liên đới giao trả cho anh Trịnh Văn T số tiền là 98.706.149 đồng, trong đó: nợ gốc 95.000.000 đồng, nợ lãi là 3.706.149 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ L Dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp L có quy định khác.

3. Án phí dân sự sơ thẩm:

- Anh Huỳnh Đắc L được Chi Cục thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.829.000 đồng theo biên lai thu số 0003508 ngày 25 tháng 12 năm 2023.

- Anh Trịnh Văn T và chị Đặng Kim N có nghĩa vụ liên đới nộp 4.935.307 đồng.

Đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo

bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 L thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 L thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 L thi hành án dân sự./.

***Nơi nhận:***

- VKSND huyện Thạnh Phú;
- Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện Thạnh Phú;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**Trần Thị Vân**



